

nhu cầu natri tối đa hàng ngày theo khuyến cáo của WHO. Thuốc được xem là chứa hàm lượng natri cao. Điều này cần đặc biệt lưu ý đối với những người có chế độ ăn hạn chế muối (ví dụ trong một số trường hợp suy tim sung huyết và suy thận).

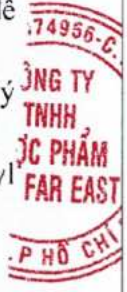
Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa 130 mg (3,25 mmol) calci. Cần thận trọng khi điều trị cho bệnh nhân bị tăng calci huyết, lắng đọng calci ở thận và sỏi calci thận tái phát.

Thông thường không khuyến dùng cho trẻ em dưới 12 tuổi, trừ khi có chỉ định của bác sĩ.

Nếu các triệu chứng vẫn còn hoặc phải điều trị liên tục quá 7 ngày, bệnh nhân nên tìm đến bác sĩ để được tư vấn.

Cũng như các thuốc kháng acid khác, thuốc có thể che lấp các triệu chứng của các tình trạng bệnh lý tiềm ẩn nghiêm trọng khác.

Thuốc có chứa methylparaben (methyl parahydroxybenzoat) và propylparaben (propyl parahydroxybenzoat) có thể gây phản ứng dị ứng (có thể xảy ra chậm).



SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Thời kỳ mang thai

Các nghiên cứu mở có đối chứng ở 281 phụ nữ mang thai không chứng minh được bất kỳ tác dụng phụ đáng kể nào của Gasvin Duo đối với quá trình mang thai hoặc sức khỏe của thai nhi/trẻ sơ sinh. Dựa trên kinh nghiệm này và kinh nghiệm trước đó, thuốc có thể được sử dụng trong thời kỳ mang thai khi cần thiết về mặt lâm sàng.

Thời kỳ cho con bú

Không có ảnh hưởng nào của thành phần hoạt chất trên trẻ bú mẹ được ghi nhận khi mẹ sử dụng thuốc. Thuốc có thể được sử dụng trong thời kỳ cho con bú khi cần thiết về mặt lâm sàng.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Thuốc không có hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỶ CỦA THUỐC:

Tương tác của thuốc

Do sự hiện diện của calci và carbonat hoạt động như một thuốc kháng acid, nên cần nhắc sử dụng thuốc cách xa khoảng 2 giờ với các thuốc khác, đặc biệt là thuốc đối kháng thụ thể H2 histamin, tetracyclin, digoxin, fluoroquinolon, muối sắt, hormon tuyến giáp, ketoconazol, thuốc an thần, thyroxin, penicilamin, thuốc chẹn beta (atenolol, metoprolol, propranolol), glucocorticoid, chloroquin, diphosphonat và estramustin.

Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Các tác dụng không mong muốn liên quan đến natri alginat, natri bicarbonat và calci carbonat trong bảng dưới đây được phân loại theo hệ cơ quan và tần suất. Tần suất được quy ước như sau: Rất thường gặp ($\geq 1/10$); Thường gặp ($\geq 1/100$ và $< 1/10$); Ít gặp ($\geq 1/1.000$ và $< 1/100$); Hiếm gặp ($\geq 1/10.000$ và $< 1/1.000$); Rất hiếm gặp ($< 1/10.000$); Chưa rõ tần suất (Không thể ước tính dựa trên dữ liệu sẵn có). Trong mỗi nhóm tần suất, các tác dụng không mong muốn được trình bày theo thứ tự mức độ nghiêm trọng giảm dần.

Hệ cơ quan	Tần suất	Tác dụng không mong muốn
Rối loạn hệ thống miễn dịch	Rất hiếm gặp	Phản ứng phản vệ hoặc dạng phản vệ. Phản ứng quá mẫn như nổi mề đay.
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng	Chưa rõ tần suất	Nhiễm kiềm ¹ , tăng acid trừ lại ¹ , tăng calci huyết ¹ , hội chứng sữa - kiềm ¹ .
Rối loạn hô hấp, lồng ngực và trung thất	Rất hiếm gặp	Tác dụng trên đường hô hấp như co thắt phế quản.
Rối loạn tiêu hóa	Chưa rõ tần suất	Táo bón ¹ .

¹ Thường xảy ra sau khi sử dụng liều lớn hơn liều khuyến cáo.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Báo cáo các phản ứng có hại nghi ngờ:

Báo cáo các phản ứng có hại nghi ngờ sau khi cấp phép lưu hành sản phẩm thuốc là rất quan trọng. Việc này cho phép tiếp tục theo dõi sự cân bằng lợi ích/nguy cơ của sản phẩm thuốc. Các chuyên gia chăm sóc sức khỏe được yêu cầu báo cáo bất kỳ phản ứng có hại nào bị nghi ngờ về Trung tâm Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (website: <http://canhgiacduoc.org.vn>).

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Các triệu chứng: Các triệu chứng có thể nhẹ khi dùng quá liều cấp tính; trong một vài trường hợp, có thể xảy ra chướng bụng. Hội chứng sữa - kiềm đã xảy ra ở bệnh nhân sử dụng calci carbonat liều lượng lớn mỗi ngày trong thời gian dài.

Cách xử lý: Trong trường hợp quá liều, cần điều trị triệu chứng.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

Hộp 1 chai 200 ml + 1 cốc đong 20 ml (có vạch chia 5-10-15-20 ml).

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:

Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C, nơi khô ráo.

HẠN DÙNG: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hạn dùng sau khi mở nắp lần đầu: 6 tháng ở nhiệt độ dưới 30°C.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT:

DEVA HOLDİNG A.Ş.

Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaağaç Mah., Atatürk Cad., No: 32, Kapaklı / Tekirdağ, Thổ Nhĩ Kỳ.